

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2023/HC-PT
Ngày: 17 - 7 - 2023
V/v “Yêu cầu hủy
GCNQSDĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Lê Tự

ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 187/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Yêu cầu hủy GCNQSDĐ”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2486/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Trần Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Hồ Lý H - Luật sư, Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Trung H1, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Bình và ông Hoàng Xuân Á, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cụ Trần Thị T, sinh năm 1937; ông Trần Quang C, sinh năm 1958; bà Trần Thị B, sinh năm 1961; bà Trần Thị S, sinh năm 1964; bà Trần Thị S1, sinh năm 1967;

ông Trần Quang S2, sinh năm 1971; ông Trần Quang Q, sinh năm 1974; bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1976; ông Trần Quang C2, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (bà B, bà S có mặt; còn lại vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của cụ T: bà Trần Thị B, có mặt tại phiên toà.

Người kháng cáo: bà Trần Thị L, cụ Trần Thị T, bà Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Bố mẹ của bà Trần Thị L là cụ Trần Quang Đ (chết năm 1990) và cụ Trần Thị T. Cụ Đ, cụ T có 08 người con gồm: ông Trần Quang Q, ông Trần Quang C, bà Trần Thị B, bà Trần Thị L, bà Trần Thị S, bà Trần Thị S1, ông Trần Quang S2 và ông Trần Quang C2. Cụ Trần Quang Đ và cụ Trần Thị T tạo lập được 1.400m² đất tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 09 xã D, huyện Q và 01 nhà cấp 4. Năm 1990 cụ Đ chết không để lại di chúc. Ngày 22/9/1992 cụ T được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số B 977391 mang tên cụ Trần Thị T. Toàn bộ di sản thừa kế của cụ Đ do cụ T quản lý, sử dụng đến nay chưa chia cho các đồng thừa kế.

Năm 2018 cụ Trần Thị T làm thủ tục xin cấp đổi GCNQSDĐ và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số CM 484438 ngày 07/6/2018 với diện tích 1.437,7m² đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14 xã D, huyện Q. Ngày 29/7/2021 cụ Trần Thị T tự ý làm thủ tục tách thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14 xã D thành hai thửa đất. Ngày 24/9/2021 cụ T lập Hợp đồng tặng cho ông Trần Quang Q và bà Nguyễn Thị C1 924,7m² đất tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 14 xã D. Ngày 08/10/2021 ông Q, bà C1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611714. Phần diện tích đất còn lại 513m² cụ T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611715 ngày 08/10/2021 tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 14 xã D.

Việc cụ Trần Thị T tự ý cấp đổi và tách thửa đất thành hai thửa rồi tặng cho ông Q, bà C1 924,7m² đất tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 14 xã D là di sản thừa kế của cụ Đ khi chưa có ý kiến của các đồng thừa kế là trái quy định. Vì vậy, người khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy GCNQSDĐ số CM 484438 ngày 07 tháng 6 năm 2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp đổi cho cụ Trần Thị T với diện tích 1.437,7m² đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14 xã D, huyện Q; hủy GCNQSDĐ số DB 611714 ngày 08/10/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Q, bà C1; hủy GCNQSDĐ số DB 611715 ngày 08/10/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho cụ T.

2. Nội dung tại Công văn số 394/VPĐKĐĐ ngày 29/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thể hiện:

Thửa đất số 317, tờ bản đồ số 9 xã D có diện tích 1.400m² đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ lần đầu số B 977391 ngày 22/9/1992 cho cụ Trần Thị T. Ngày 29/5/2018 cụ Trần Thị T nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ, hồ sơ đầy đủ nên ngày 07/8/2018 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp đổi thành GCNQSDĐ số CM 484438 tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14 xã D với diện tích 1.437,7m² cho cụ Trần Thị T. Ngày 24/9/2021 cụ Trần Thị T nộp hồ sơ đề nghị tách thành hai thửa đất và tặng cho ông Trần Quang Q, bà Nguyễn Thị C1 924,7m² đất tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 14 xã D. Ngày 08/10/2021 ông Q, bà C1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611714. Đối với diện tích đất còn lại, ngày 08/10/2021 cụ T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611715 với diện tích 513m² tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 14 xã D. Việc cấp đổi GCNQSDĐ cho các đương sự thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. Nay bà L yêu cầu hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp, cấp đổi cho cụ T và cho vợ chồng ông Q, bà C1 là không có cơ sở, đề nghị Tòa án tuyên không chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (cụ Trần Thị T, ông Trần Quang C, bà Trần Thị B, bà Trần Thị S, bà Trần Thị S1, ông Trần Quang S2 và ông Trần Quang C2) trình bày:

Nhất trí với trình bày của người khởi kiện và cùng yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CM 484438 ngày 07 tháng 6 năm 2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp đổi cho cụ Trần Thị T với diện tích 1.437,7m² đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14 xã D, huyện Q; hủy GCNQSDĐ số DB 611714 ngày 08/10/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Q, bà C1; hủy GCNQSDĐ số DB 611715 ngày 08/10/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho cụ T.

4. ông Trần Quang Q và bà Nguyễn Thị C1 trình bày:

Thống nhất với trình bày của người khởi kiện về quan hệ gia đình bố mẹ, anh em, thời điểm cụ Đ chết và diện tích đất của bố mẹ. Năm 2008 ông Q, bà C1 kết hôn về chung sống cùng cụ T. Năm 2010 nhà cũ của cụ T bị hư hỏng nên vợ chồng đã bỏ kinh phí ra sửa chữa lại để mẹ con cùng ở. Ngày 24/9/2021 cụ T lập Hợp đồng tặng cho vợ chồng ông quyền sử dụng đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611714 ngày 08/10/2021 với diện tích 924,7m² đất tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 14 xã D. Nay người khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ thì ông Q, bà C1 không đồng ý, vì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Quang Đ đã hết. Việc cụ T tặng cho vợ chồng ông là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 1 Luật Đất đai năm

1987. Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Điều 99 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 236; Điều 500; Điều 501 và Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Trần Thị L về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 484438 ngày 07/6/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 611715 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho cụ Trần Thị T; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 611714 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho anh Trần Quang Q, chị Nguyễn Thị C1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05, 08 tháng 9 năm 2022 bà Trần Thị L, cụ Trần Thị T, bà Trần Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 484438 ngày 07/6/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 611715 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho cụ Trần Thị T; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 611714 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Trần Quang Q, bà Nguyễn Thị C1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

bà Trần Thị L trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo; bà Trần Thị B trình bày giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L trình bày: 1.400m² đất tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 09 xã D, huyện Q là của cụ Trần Quang Đ và cụ Trần Thị T. cụ Đ chết, cụ T làm thủ tục đứng tên trong GCNQSDĐ năm 1992 một mình là không đúng, vì không được sự đồng ý của đồng thừa kế. Sau đó, cụ T xin cấp đổi năm 2018 và tách thành hai thửa đất và tặng cho ông Trần Quang Q, bà Nguyễn Thị C1 là không đúng pháp luật. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy GCNQSDĐ số CM 484438 ngày 07/6/2018 và GCNQSDĐ số DB 611715 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho cụ Trần Thị T; hủy GCNQSDĐ số DB 611714 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Trần Quang Q, bà Nguyễn Thị C1.

bà Trần Thị B đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy GCNQSDĐ số CM 484438 ngày 07/6/2018 và GCNQSDĐ số DB 611715 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho cụ Trần Thị T; hủy GCNQSDĐ số DB 611714 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Trần Quang Q, bà Nguyễn Thị C1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của bà Trần Thị L, cụ Trần Thị T, bà Trần Thị B là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tiến hành trưng cầu giám định theo yêu cầu của đương sự. Tại Kết luận giám định số 40/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng khẳng định: chữ ký (dạng chữ viết đọc được) “Truyện” dưới mục “Người viết đơn” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết đứng tên bà Trần Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M6) là không phải do cùng một người ký (viết) ra. Như vậy, hồ sơ xin cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ năm 2018 không phải do cụ Trần Thị T viết, ký. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Các ngày 05, 08 tháng 9 năm 2022 bà Trần Thị L, cụ Trần Thị T, bà Trần Thị B kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Như vậy, kháng cáo của bà Trần Thị L, cụ Trần Thị T, bà Trần Thị B là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 22/9/1992 cụ Trần Thị T được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số B 977391. Ngày 07/6/2018 cụ Trần Thị T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp đổi thành GCNQSDĐ số CM 484438 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14 xã D. Ngày 29/7/2021 cụ Trần Thị T làm thủ tục tách thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14 xã D thành hai thửa đất. Ngày 24/9/2021 cụ Trần Thị T lập Hợp đồng tặng cho ông Trần Quang Q và bà Nguyễn Thị C1 924,7m² đất tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 14 xã D. Ngày 08/10/2021 ông Q, bà C1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611714. Diện tích đất còn lại cụ T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611715 ngày 08/10/2021.

Ngày 03/6/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn khởi kiện của bà Trần Thị L yêu cầu: hủy GCNQSDĐ số CM 484438 (GCNQSDĐ số CM 484438) ngày 07/6/2018 và GCNQSDĐ số DB 611715 (GCNQSDĐ số DB 611715) ngày 08/10/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho cụ Trần

Thị T; hủy GCNQSDĐ số DB 611714 (GCNQSDĐ số DB 611714) ngày 08/10/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Trần Quang Q, bà Nguyễn Thị C1.

Ngày 03/6/2022 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị L yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CM 484438, GCNQSDĐ số DB 611715 và GCNQSDĐ số DB 61171. Như vậy, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị L, bà Trần Thị B, cụ Trần Thị T:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất: cụ Trần Quang Đ và cụ Trần Thị T có 08 người con, gồm các ông bà Trần Quang Q, Trần Quang C, Trần Thị B, Trần Thị L, Trần Thị S, Trần Thị S1, Trần Quang S2 và Trần Quang C2. cụ Đ và cụ T tạo lập được 1.400m² đất tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 09 xã D, huyện Q và 01 nhà cấp 4. Năm 1990 cụ Đ chết (không để lại di chúc). Diện tích 1.400m² đất tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 09 xã D, huyện Q và 01 nhà cấp 4 sau khi cụ Đ chết chưa chia.

[3.2] Ngày 22/9/1992 cụ Trần Thị T làm thủ tục và được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số B 977391 đối với 1.400m² đất tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 09 xã D, huyện Q.

Năm 2018 cụ Trần Thị T làm thủ tục xin cấp đổi GCNQSDĐ và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp đổi thành GCNQSDĐ số CM 484438 ngày 07/6/2018 đối với diện tích 1.437,7m² đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14 xã D, huyện Q.

Ngày 29/7/2021 cụ Trần Thị T làm thủ tục tách thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14 xã D thành hai thửa đất. Ngày 24/9/2021 cụ T lập Hợp đồng tặng cho ông Trần Quang Q và bà Nguyễn Thị C1 924,7m² đất tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 14 xã D. Ngày 08/10/2021 ông Q, bà C1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611714. Đối với diện tích đất còn lại, ngày 08/10/2021 cụ T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611715 với diện tích 513m² tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 14 xã D.

[3.3] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người khởi kiện có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của cụ Trần Thị T tại hồ sơ xin cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ. Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 40/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của V - Phân viện KHHS tại Đà Nẵng kết luận: “... Mẫu giám định: 01 Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đề ngày 11/5/2018; dưới mục Người viết đơn có chữ ký Truyen (A1). 01 Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đề ngày 11/5/2018; dưới mục Người viết đơn có chữ ký Truyen (A2)... Kết luận về đối tượng giám định: Chữ ký (dạng chữ viết đọc được) “Truyen” dưới mục “Người viết đơn” trên các tài liệu

cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết đứng tên bà Trần Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) là không phải do cùng một người ký (viết) ra”.

[4] Như vậy, hồ sơ đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ năm 2018, trong đó có Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đề ngày 11/5/2018 và Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đề ngày 11/5/2018 không do cụ Trần Thị T viết, ký. Từ đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp lại, cấp đổi cho cụ Trần Thị T GCNQSDĐ số CM 484438 ngày 07/6/2018 là không đúng quy định của pháp luật. Tiếp theo đó, cụ T tặng cho ông Trần Quang Q, bà Nguyễn Thị C1 một phần diện tích đất và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số DB 611714 ngày 08/10/2021 cho ông Q, bà C1 và cấp GCNQSDĐ số DB 611715 ngày 08/10/2021 cho cụ T cũng không đúng quy định của pháp luật.

[5] Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thu thập trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm; lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2], [3] và [4] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L, bà Trần Thị B, cụ Trần Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: bà Trần Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho bà Trần Thị L tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004998 ngày 16/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 6.400.000đ chi phí tố tụng. Do bà Trần Thị L đã nộp số tiền 6.400.000đ nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 6.400.000đ.

Án phí hành chính phúc thẩm: bà Trần Thị L, bà Trần Thị B, cụ Trần Thị T không phải chịu. Hoàn trả cho bà Trần Thị L, bà Trần Thị B, cụ Trần Thị T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0005053, số 0005054, số 0005055 cùng ngày 09/9/2022 đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L, bà Trần Thị B, cụ Trần Thị T sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Trần Thị L về việc yêu cầu:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 484438 ngày 07/6/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 611715 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho cụ Trần Thị T;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 611714 ngày 08/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Trần Quang Q, bà Nguyễn Thị C1.

3. Án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: bà Trần Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho bà Trần Thị L tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004998 ngày 16/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 6.400.000đ chi phí tố tụng. Do bà Trần Thị L đã nộp số tiền 6.400.000đ nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 6.400.000đ.

Án phí hành chính phúc thẩm: bà Trần Thị L, bà Trần Thị B, cụ Trần Thị T không phải chịu. Hoàn trả cho bà Trần Thị L, bà Trần Thị B, cụ Trần Thị T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0005053, số 0005054, số 0005055 cùng ngày 09/9/2022 đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Tự

Phạm Ngọc Thái

Trần Quốc Cường